

Đồng Nai, ngày 23 tháng 12 năm 2016

Số: 570 /KH-TCTCNTP

KẾ HOẠCH

Sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 5 năm 2016-2020

Thực hiện Văn bản số 1978/SKHĐT-KTN ngày 25/7/2016 về việc tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 và chiến lược sản xuất kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo yêu cầu điều chỉnh tại nội dung cuộc họp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 13/9/2016 về xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 5 năm 2016-2020 và Chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai 2016-2025,

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai xây dựng một số nội dung kế hoạch 5 năm theo yêu cầu như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 09/05/2005, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 97/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được hình thành trên cơ sở tổ chức lại hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thuốc lá Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai – hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và có các Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 29/06/2005, Quyết định số 2424/ QĐ-UBND ngày 07/07/2005; Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 07/07/2005 về việc chuyển giao các doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh Đồng Nai và chuyển giao quyền chủ sở hữu vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp cho Tổng công ty.

Tại thời điểm thành lập, Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và 21 đơn vị thành viên. Đến năm 2016, Tổng công ty có 26 đơn vị thành viên gồm Công ty mẹ, 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 03 công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước, 09 công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50% và 10 công ty liên doanh, liên kết vốn Nhà nước dưới 50%.

Tính đến nay, Tổng công ty đã trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển. Tuy nhiên, nếu tính từ đơn vị tiền thân của Tổng công ty là Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai thì Tổng công ty – Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai đã trải qua quá trình 30 năm hình thành và phát triển. Quá trình đó có thể phân chia thành các cột mốc với các tên gọi sau:

- Thành lập với tên gọi Xí nghiệp Thuốc lá Đồng Nai (được thành lập theo Quyết định số 147/QĐUBT ngày 20/02/1985 của UBND tỉnh Đồng Nai), chính thức đi vào hoạt động từ 01/10/1985. Đây là đơn vị hạch toán nội bộ trực thuộc sự quản lý của Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

- Ngày 11/10/1991, Xí nghiệp Thuốc lá Đồng Nai được đổi tên thành Nhà máy Thuốc lá Đồng Nai theo Quyết định số 427/QĐUBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Đổi tên thành Công ty Thuốc lá Đồng Nai trực thuộc tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 308/QĐ.UBT ngày 05/3/1993.

- Thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tháng 2/2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Nai.

- Năm 2005: Thành lập Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Đồng Nai và một số doanh nghiệp trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Năm 2010 đến nay: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chuyển sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là Tổng công ty đầu tiên của tỉnh được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Ra đời trên nền tảng vững mạnh của Công ty mẹ với ngành nghề kinh doanh chính là thuốc lá kết hợp cùng các đơn vị thành viên hoạt động đa ngành nghề từ kinh doanh thương mại, dịch vụ đến khai thác khoáng sản... đã tạo thuận lợi cho Tổng công ty vượt qua các khó khăn, thách thức và phát triển thành tổ hợp kinh tế - tài chính lớn mạnh của tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin chung về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tên gọi: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

- Tên Tiếng Anh: Dong Nai Food Industrial Corporation

- Tên viết tắt: DOFICO

- Địa chỉ: Số 833A, Xa lộ Hà Nội, KP1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: (061) 3836110

- Fax: (061) 3836132

- Email: admin@dofico.com.vn

- Website: www.dofico.com.vn

- Vốn điều lệ của Tổng công ty được UBND tỉnh phê duyệt tại Văn bản số 9403/UBND-KT ngày 07/10/2016 là 3.500 tỷ đồng. Trong đó, vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 21/12/2016): **2.735 tỷ đồng** (Hai nghìn bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

- Các văn bản liên quan đến Quy chế hoạt động đã được công khai đến năm 2016:

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU	NGÀY THÁNG BAN HÀNH
1	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2065/QĐ-UBND	04/7/2016
2	Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2387/QĐ-UBND	28/7/2016
3	Quy chế quản lý tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và người đại diện của Tổng công ty	114/QĐ-HĐTV	18/04/2014
4	Quy chế quản lý nợ của Tổng công ty (Công ty TNHH MTV mô hình công ty mẹ - công ty con)	132/QĐ- HĐTV	29/04/2014
5	Quy chế về chế độ công tác phí và định mức chi phí	170A/QĐ-TCTCNTP	01/07/2011
6	Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	226/QĐ-HĐTV	31/12/2010
7	Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	3066/QĐ-UBND	25/09/2013
8	Quy chế Tiền lương - Thu nhập	640/QC - TCTCNTP	31/12/2011
9	Quy chế Thi đua khen thưởng của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ)	471/QĐ-TCTCNTP	21/12/2013
10	Quy chế hoạt động sáng kiến - cải tiến của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc)	99/QĐ-TCTCNTP	28/07/2009
11	Quy chế quản lý và cung cấp thông tin tại trang thông tin điện tử trên Internet của Tổng	106/QĐ-TCTCNTP	21/08/2009

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU	NGÀY THÁNG BAN HÀNH
	công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai		
12	Quy chế quản lý và khai thác mạng thông tin của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	190/QĐ-TCTCNTP	20/11/2010
13	Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ)	334/QC-TCTCNTP	05/07/2011
14	Quy chế hoạt động của Đại diện vốn Tổng công ty tại các công ty thành viên	10/QĐ-HĐTV	23/01/2008
15	Quy chế hoạt động của Đại diện vốn Tổng công ty tại các công ty thành viên (thay thế cho Quy chế số 10/QĐ-HĐQT ngày 23/01/2008)	413/QĐ-HĐTV	18/8/2016
16	Quy chế hoạt động của Hội đồng Thành viên Tổng công ty (thay thế cho Quy chế số 226/QĐ-HĐTV, ban hành ngày 31/12/2006)	414/QĐ-HĐTV	18/8/2016
17	Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên	415/QĐ-HĐTV	18/8/2016

3. Định hướng phát triển

Giai đoạn 2016-2020, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai bước vào quá trình sắp xếp, đổi mới mạnh mẽ cả trong tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn này, Tổng công ty xác định tập trung đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trong công nghiệp với sản phẩm thuốc lá điều của Công ty mẹ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất thuốc lá nguyên liệu và sản xuất thuốc lá điều, tăng cường hàm lượng công nghệ cao, hàm lượng chất xám trong các sản phẩm và dịch vụ tạo lợi thế cạnh tranh. Tiếp tục thực hiện thị trường hóa, nghiên cứu phải xuất phát từ yêu cầu thực tế và phục vụ sản xuất. Chủ động nhập, làm chủ và cải tiến các công nghệ từ nước ngoài thông qua việc mở rộng hợp tác quốc tế, chú trọng các công nghệ tiên tiến, công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, khác biệt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- Trong giai đoạn đẩy mạnh việc thoái vốn tại các đơn vị thành viên, việc xây dựng kế hoạch phát triển bền vững cần được quan tâm chú trọng. Các đơn vị thành viên sau quá trình sắp xếp lại được tinh giản để tập trung hơn vào ngành sản xuất kinh doanh chính.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Trong giai đoạn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty mẹ luôn nắm giữ vai trò là đầu tàu của toàn tổ hợp. Do đó, yếu tố then chốt để xây dựng Tổng công ty vững mạnh và có ý nghĩa đích thực là phải duy trì sự phát triển của Công ty mẹ đủ sức làm nòng cốt cho toàn tổ hợp đi đôi với phát huy sức mạnh tổng hợp mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong cơ cấu Tổng công ty. Song song với việc phát huy vai trò quản lý điều hành của Công ty mẹ với các đơn vị thành viên bằng cơ chế hành chính, hoạt động hỗ trợ và phát triển trong sản xuất kinh doanh nội bộ của toàn tổ hợp phải luôn được chú trọng trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của các doanh nghiệp thành viên.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, cộng thêm sự biến động đã được dự báo trước trong ngành sản xuất kinh doanh chính tại Công ty mẹ (thuốc lá); việc sắp xếp và định hướng cho các đơn vị phụ thuộc trong giai đoạn này là hết sức quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng thích nghi với thị trường nhưng vẫn đảm bảo tập trung phát triển ngành nghề thuộc nhóm công nghiệp thực phẩm. Bên cạnh việc ổn định thị phần thuốc lá; phát triển kinh doanh, liên kết với các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả; đồng thời có phương án hỗ trợ cho các đơn vị phụ thuộc có tiềm năng phát triển sẽ góp phần đẩy mạnh hiệu quả của Công ty mẹ trong tương lai.

- Khi thị phần thuốc lá nội địa ngày càng thu hẹp, công tác nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác xuất khẩu càng phải được đẩy mạnh hơn nữa. Việc đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường nước ngoài với sản phẩm xuất khẩu đòi hỏi sự chuẩn bị cẩn trọng trong tiềm lực về con người lẫn kỹ thuật công nghệ.

- Căn cứ vào thế mạnh và tiềm năng sẵn có cùng với nhu cầu thị trường, các định hướng phát triển trong tương lai của Công ty mẹ nói riêng và toàn Tổ hợp phải theo tiêu chí phát triển bền vững. Bên cạnh việc nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng phải luôn được duy trì và phát huy. Phát triển sản xuất đi đôi với cải thiện đời sống người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Mục tiêu sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016	Kế hoạch năm			
			2017	2018	2019	2020
1. SX công nghiệp						
Thuốc lá điều	Triệu bao	356	410	420	460	500
Mủ cao su RSS	Tấn	1,270	1,290	1,300	1,310	1,320

Đá xây dựng	1000m ³	6,031	5,712	5,826	5,943	6,062
Bao bì giấy	Tấn	75,000	79,000	83,000	91,300	100,000
Gỗ dán	m ³	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Quần áo gc XK	1000sp	270	290	300	310	310
Sữa tươi	Tấn	10,100	11,265	16,100	20,460	22,800
2. SX nông nghiệp						
Heo giống	Tấn	2,070	2,150	2,335	2,530	2,710
Heo thịt	Tấn	4,250	4,310	4,720	5,010	5,450
3. KD TM-DV						
Thương mại						
Bắp hạt	Tấn	4,000	4,500	5,000	5,500	6,000
Mì lát	Tấn	5,300	6,000	6,500	7,000	8,000
Xăng dầu	1000 lít	57,408	60,371	63,363	66,526	69,850
Xe gắn máy	Chiếc	5,660	4,928	5,096	5,270	5,450
Phân bón	Tấn	32,000	35,844	36,500	37,600	39,500
Dịch vụ						
Dịch vụ Du lịch	Tr.đ	139,799	143,750	155,250	162,650	172,250
Cho thuê kho	Tr.đ	12,400	13,400	13,450	13,500	13,500

Nhìn chung, kế hoạch sản lượng tiêu thụ các mặt hàng qua các năm đều có xu hướng tăng, có tỷ lệ tăng trưởng dương. Trong đó mặt hàng sản xuất kinh doanh thuốc lá bao của Công ty Mẹ gặp nhiều khó khăn trong năm 2016 như thuế tiêu thụ đặc biệt tăng từ 65% lên 70%, quỹ phòng chống tác hại thuốc lá cũng tăng từ 1% lên 1,5%, sản lượng tồn kho thuốc lá trong thị trường còn nhiều dẫn đến sản lượng tiêu thụ năm 2016 giảm 15% so với cùng kỳ nhưng Công ty mẹ vẫn đạt mục tiêu sản lượng tiêu thụ tăng đều qua các năm với mức tăng trưởng bình quân 8%/năm.

2.2 Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu Doanh thu:

- Tổng doanh thu gồm doanh thu sản xuất kinh doanh và doanh thu thoái vốn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu		Ước TH2016	KH2017	KH2018	KH2019	KH2020
Tổng doanh thu	Toàn tổ hợp	6.847	5.465	3.410	3.471	3.559
	Công ty Mẹ	1.976	1.850	2.007	2.049	2.086
Doanh thu	Toàn tổ hợp	6.686	5.326	3.218	3.340	3.496

sản xuất kinh doanh	Công ty Mẹ	1.816	1.711	1.814	1.918	2.023
Doanh thu thoái vốn		160,47	138,5	192,8	130,84	63,38

Doanh thu sản xuất kinh doanh gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính (không tính doanh thu từ thoái vốn đầu tư) và thu nhập khác.

Tổng doanh thu trong đó chủ yếu là doanh thu sản xuất kinh doanh có xu hướng giảm do giai đoạn 2016-2020 được xem là giai đoạn Tổng công tập trung đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu, tổ chức lại các đơn vị thành viên. Một số đơn vị sau khi được thoái vốn xuống dưới 50% sẽ trở thành công ty liên doanh liên kết nên doanh thu được ghi nhận giảm. Riêng chỉ tiêu doanh thu sản xuất kinh doanh kế hoạch hàng năm của Công ty mẹ (sản xuất thuốc lá) có mức tăng từ 7-10% qua các năm).

b) Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế gồm lợi nhuận sản xuất kinh doanh và lợi nhuận từ thoái vốn

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu		Ước TH2016	KH2017	KH2018	KH2019	KH2020
Lợi nhuận sau thuế	Toàn tổ hợp	675,9	399,3	370,6	329,6	267,0
	Công ty Mẹ	320,7	333,1	335,2	267,3	213,3
Lợi nhuận sản xuất kinh doanh	Toàn tổ hợp	515,4	260,8	177,7	198,8	203,6
	Công ty Mẹ	160,3	194,6	142,3	136,5	149,9
Lợi nhuận từ thoái vốn		160,4	138,5	192,8	130,8	63,4

Khác với doanh thu, đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp Tổng công ty thì lợi nhuận thoái vốn chiếm tỷ trọng khá lớn nhưng biến động bất thường nên lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp biến động theo. Lợi nhuận sản xuất kinh doanh toàn tổ hợp cũng có xu hướng giảm chủ yếu do thực hiện thoái vốn, một số đơn vị sau khi được thoái vốn xuống dưới 50% sẽ trở thành công ty liên doanh liên kết nên lợi nhuận được ghi nhận giảm đáng kể.

c) Chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế ứng vốn nhà nước

ĐVT: %

Chỉ tiêu		Ước TH2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
Lợi nhuận sau thuế /VCSH	Toàn tổ hợp	16,77	10,86	11,49	10,08	7,89
	Công ty Mẹ	10,96	10,94	10,66	8,26	6,47

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (bao gồm lợi nhuận thoái vốn): không ổn định do lợi nhuận thoái vốn biến động bất thường qua các năm.

- Tỷ suất lợi nhuận toàn tổ hợp có xu hướng giảm do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm do thực hiện thoái vốn, một số đơn vị sau khi được thoái vốn xuống dưới 50% sẽ trở thành công ty liên doanh liên kết, lợi nhuận được ghi nhận giảm đáng kể trong khi vốn chủ sở hữu tăng.

- Tỷ suất lợi nhuận Công ty Mẹ giảm là do ngành sản xuất kinh doanh thuốc lá bao gặp nhiều yếu tố khó khăn: như các loại thuế, phí đều tăng, số lượng tồn kho trong thị trường còn nhiều làm giảm sản lượng đáng kể, giá cả nguyên vật liệu, chi phí đầu vào, tỷ giá đều tăng; thêm vào đó Công ty Mẹ phải bù đắp lỗ sản xuất kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc trong năm 2016 là 38 tỷ đồng.

d) Chỉ tiêu Phát sinh nộp ngân sách

ĐVT: tỷ đồng

	Ước TH2016	KH2017	KH2018	KH2019	KH2020
Toàn tổ hợp	1.607	1.741	1.635	1.758	1.816
Công ty Mẹ	1.324	1.473	1.607	1.733	1.790

Phát sinh nộp ngân sách tăng do thuế tiêu thụ đặc biệt tăng (theo lộ trình năm 2019 thuế tiêu thụ đặc biệt thuốc lá bao tăng từ 70% lên 75%) và biến động theo lợi nhuận nói chung, lợi nhuận thoái vốn nói riêng do khoảng gần 70% lợi nhuận sau thuế hàng năm được nộp ngân sách nhà nước.

2.3 Đánh giá chung

Giai đoạn 2016-2020 được xem là giai đoạn chuyển mình của toàn Tổng công ty với rất nhiều biến động khi việc thực hiện tái cơ cấu, tổ chức lại các đơn vị thành viên được xúc tiến mạnh mẽ. Điều này góp phần kiện toàn cơ cấu tổ chức nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng biến động bất thường từ nguồn thu về do hoạt động thoái vốn, sắp xếp lại các đơn vị thành viên trong khi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính

không có nhiều biến động dẫn đến việc khó đánh giá chính xác được tốc độ tăng trưởng chung. Doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổ hợp Tổng công ty nhìn chung biến động giảm do thực hiện thoái vốn, một số đơn vị sau khi được thoái vốn xuống dưới 50% sẽ trở thành công ty liên doanh liên kết, doanh thu và lợi nhuận được ghi nhận giảm.

+ Năm 2016 có lợi nhuận từ việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Việt-Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco, chiếm 50% lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và chiếm 24% tổng lợi nhuận sau thuế của toàn Tổ hợp Tổng công ty.

+ Năm 2017, Tổng công ty sẽ xúc tiến việc thoái vốn tại một số đơn vị như: Công ty CP Đồng Việt Thành, Công ty CP Bệnh viện quốc tế Đồng Nai, Công ty CP TH Gỗ Tân Mai, Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty CP Nông sản Đồng Nai, Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai, Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai, Công ty CP Nhà Bình Đa khiến doanh thu, lợi nhuận tăng đột biến do nguồn thu từ thoái vốn... đồng thời cũng tiến hành cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp. Ước tính lợi nhuận thu từ thoái vốn sẽ chiếm 34% tổng lợi nhuận sau thuế của toàn Tổ hợp và chiếm 42% lợi nhuận Công ty mẹ.

+ Năm 2018 nguồn thu từ thoái vốn giảm xuống do chỉ tiến hành thoái vốn tại các đơn vị: Công ty CP Bao Bì Biên Hoà, Công ty CP Xây dựng và sản xuất VLXD Biên Hoà, đây là hai đơn vị có tình hình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, việc thoái vốn mang lại lợi nhuận cao. Thời điểm này lợi nhuận thoái vốn ước chiếm 52% lợi nhuận toàn Tổ hợp và chiếm 58% lợi nhuận Công ty mẹ.

+ Năm 2019 là năm cuối cùng thực hiện tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên, việc thoái vốn được tiếp tục đẩy mạnh với hàng loạt các đơn vị: cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long, Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp, Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai, Cty TNHH Bochang Donatours, Công ty CP Nông sản Đồng Nai. Ước tính phân thu về từ thoái vốn chiếm 39% lợi nhuận toàn Tổ hợp và chiếm 49% lợi nhuận Công ty mẹ.

+ Năm 2020: hoàn thành công tác thoái vốn, tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ, lợi nhuận thoái vốn cũng như lợi nhuận sản xuất kinh doanh giảm. Ước tính lợi nhuận thoái vốn thu về chiếm 24% lợi nhuận toàn tổ hợp, chiếm 30% lợi nhuận Công ty mẹ.

- Tỷ suất lợi nhuận bao gồm lợi nhuận thoái vốn của toàn tổ hợp Tổng công ty không ổn định do lợi nhuận thoái vốn biến động bất thường qua các năm, còn tỷ suất lợi nhuận sản xuất kinh doanh có xu hướng giảm do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm do thoái vốn (một số công ty con trở thành công ty liên doanh liên kết) trong khi vốn chủ sở hữu tăng

3. Kế hoạch triển khai

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, giai đoạn 5 năm 2016-2020, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tiếp tục mở rộng và tập trung đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Cơ cấu ngành của toàn Tổ hợp dịch chuyển theo xu hướng lấy công nghiệp làm trọng tâm. Thương mại dịch vụ là ngành mũi nhọn thứ hai với các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng khách sạn và kinh doanh mua bán (xăng dầu, xe gắn máy, phân bón...). Trong quá trình thoái vốn tại các đơn vị thành viên, biến động trong doanh thu, lợi nhuận là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, Tổng công ty đã luôn nỗ lực giữ vững doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (sản xuất thuốc lá, bao bì, vật liệu xây dựng). Nông nghiệp trong tương lai vẫn sẽ hoạt động chủ yếu với hoạt động chăn nuôi. Do hai đơn vị Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn, Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai sẽ lần lượt thực hiện thoái vốn dưới 50% theo lộ trình tái cơ cấu đã được phê duyệt, trở thành đơn vị kinh doanh liên kết của Công ty mẹ, dẫn đến doanh thu nông nghiệp của toàn Tổ hợp không còn được ghi nhận.

a) Sản xuất công nghiệp

Được xem là mũi nhọn chính trong phát triển sản xuất – kinh doanh toàn Tổ hợp; chiếm tỷ trọng cao nhất và là ngành nghề kinh doanh chiến lược với lĩnh vực ưu tiên hàng đầu là công nghiệp thực phẩm.

- Đối với Công ty Mẹ: Tập trung đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Mẹ là thuốc lá điếu. Trong điều kiện khó khăn, việc lấy lại thị phần kinh doanh thuốc lá nội địa là quan trọng và cấp thiết. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường; trong đó chú trọng đến các sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường trung và cao cấp, phấn đấu từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm hàm lượng tar và nicotine trong khói thuốc lá theo quy định của Chính phủ. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết trong và ngoài nước để phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến.

- Đối với các công ty thành viên: Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị thành viên sản xuất công nghiệp. Mở rộng hoạt động liên doanh liên kết để hiện đại hoá công nghệ sản xuất. Kinh doanh sản phẩm công nghiệp cần chú trọng đúng mức đến thị trường nội địa bên cạnh việc nhân rộng mô hình chế biến sản phẩm công nghiệp xuất khẩu.

b) Sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cao chất lượng đàn giống, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong chăn nuôi, cung cấp các sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Dự đoán sự biến động của thị trường nông sản, có kế hoạch hợp lý trong sản xuất, mua bán sản phẩm để đạt hiệu quả cao nhất.

- Kết hợp với đối tác chiến lược để sử dụng có hiệu quả quỹ đất tại các đơn vị.

c) Thương mại dịch vụ - du lịch

- Hoạt động kinh doanh du lịch cần thiết được định hướng đi trước, đón đầu, vừa khai thác vừa mở rộng; đặc biệt cần quan tâm nâng cao chất lượng du lịch lữ hành, khai thác các tuyến điểm du lịch thể mạnh của Đồng Nai như du lịch sinh thái và các dịch vụ giải trí phục vụ người dân.

- Duy trì phát triển hệ thống các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh, nâng cấp chất lượng phục vụ.

- Tổng công ty phát huy vai trò trung tâm điều hành, liên kết các đơn vị thành viên Tổng công ty có cùng ngành nghề, cùng nhóm và giao nhiệm vụ cho Doanh nghiệp thành viên đại diện nhóm để mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ cùng nhau phát triển trong kinh doanh hàng hóa nông sản, thực phẩm, kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn, du lịch hoặc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu...

- Hoạt động kinh doanh các mặt hàng có tính thiết yếu như xe máy, xăng dầu... cần phải được chú trọng tính linh hoạt trong áp dụng các hình thức khuyến mãi và điều chỉnh giá để nâng cao tính cạnh tranh khi khu vực tư nhân ngày càng phát triển mạnh.

d) Từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức của Tổng công ty

- Tái cấu trúc về vốn tại các công ty thành viên, tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc có 100% vốn Tổng công ty và thực hiện thoái vốn tại các đơn vị cổ phần theo chủ trương của Chính phủ và lộ trình tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Văn bản số 3636/UBND-KT ngày 10/5/2016 và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và Danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020. Đặc biệt quan tâm đến việc lành mạnh hoá tài chính trước khi cổ phần, chú ý đến phương hướng và thực chất hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2 Kế hoạch đầu tư phát triển

Đến năm 2016, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư về máy móc thiết bị cho nhà máy sản xuất (nhà máy thuốc lá, nhà máy bao bì, máy móc khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng), hệ thống chuồng trại... nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các dự án quan trọng Tổng công ty đang tiếp tục triển khai như:

a) Dự án Khu liên hợp công-nông nghiệp Agropark

- Tại Phân khu 3A, xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc, đã đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, mương thoát nước, tổng chi phí đã thực hiện là 66,4 tỷ đồng, các hạng mục xử lý môi trường và công trình điện sẽ phối hợp triển khai với các nhà đầu tư thứ cấp.

- Các phân khu còn lại, đang hoàn tất các thủ tục về đầu tư và giải phóng mặt bằng

- Về thu hút đầu tư (Phân khu 3A)

+ Chăn nuôi: tỷ lệ cho thuê lại đất là 100%, gồm: Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai xây dựng trang trại chăn nuôi heo giống với quy mô đầu tư trên 200 tỷ đồng nhằm thực hiện chủ trương di dời các trang trại chăn nuôi ra xa khu dân cư. Hiện nay, các dự án này đã tham gia cung cấp heo giống cho các hộ dân trong khu vực.

+ Trồng trọt: Tổng công ty ký kết hợp tác toàn diện với Tập đoàn Vingroup, trong đó đơn vị thành viên là Vineco đã thuê đất để triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, theo hướng công nghệ cao, bao gồm các loại cây ăn lá, ăn quả và ăn củ được sản xuất trong điều kiện an toàn để cung cấp cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Về thu hút đầu tư (các Phân khu còn lại)

+ Lĩnh vực chăn nuôi bò sữa: Tổng công ty cũng đã thỏa thuận với Công ty cổ phần Domilk lập dự án đầu tư trang trại chăn nuôi bò sữa tại khu quy hoạch của dự án với quy mô đầu tư 100 tỷ đồng tại Phân khu 3B. Hiện tại đơn vị này đang quy hoạch mặt bằng tổng thể và tổ chức trồng cỏ. Dự kiến sau khi hình thành sẽ phát triển mô hình chăn nuôi bò sữa tại các nông hộ tại địa bàn huyện Xuân Lộc.

+ Lĩnh vực trồng trọt: Tổng công ty đang phối hợp với Tập đoàn Vingroup và một số đối tác khác để xúc tiến các dự án đầu tư xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, theo hướng công nghệ cao, trong đó phải kể đến dự án sản xuất chuối xuất khẩu, quy mô diện tích khoảng 90ha tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc.

- Kế hoạch thực hiện

+ Đối với các phân khu, như Trồng trọt và chăn nuôi tập trung (vị trí 3B) và Trồng trọt và chế biến thực phẩm (vị trí 3C):

- Tổng công ty sẽ tiến hành tự thỏa thuận với các hộ dân về các thửa đất liền kề để hình thành các khu đất không bị chia cắt, làm cơ sở triển khai sớm các chức năng quy hoạch;

- Thực hiện ngay mục tiêu phủ xanh các thửa đất do Tổng công ty quản lý bằng nguồn kinh phí quản lý dự án, có tác dụng chống sạt lở và thực hiện việc quản lý đất;

- Đề xuất phương án tối ưu về xác định quy mô diện tích nhằm thực hiện dự án Khu liên hợp bảo đảm mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp và hiệu quả kinh tế.

+ Đối với Phân khu nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao Thọ Vực (vị trí 3D):

- Việc thu hồi đất của các hộ nhận khoán sẽ thực hiện theo phương thức: vừa kêu gọi đầu tư vừa tiến hành hành thu hồi đất, nhằm tiết kiệm chi phí sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh hiện tượng tái lấn chiếm.

- Đến thời điểm tháng 8/2016, ngoài diện tích thu hồi được 23ha đã giao cho Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn triển khai xây dựng trang trại chăn nuôi heo, diện tích Khu 2 theo quy hoạch 95ha (trong Phân khu 3D của dự án), đã thu hồi khoảng 85ha, dự kiến đầu tư trồng chuối để xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc. Hiện nay, sau hơn 01 năm vừa ươm giống theo hình thức cây mô vừa trồng thử nghiệm tại trại giống với diện tích 3ha tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, nhà đầu tư Hàn Quốc phối hợp với Tổng công ty mở rộng quy mô trồng trong năm 2016 được hơn 10ha. Việc trồng chuối thành công ở giai đoạn này sẽ là tiền đề cho việc phát triển và kêu gọi đầu tư vào sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao ở các vùng nông thôn huyện Xuân Lộc.

b) Dự án Khu du lịch và dân cư Bửu Long

- Dự án khu dân cư đã được UBND tỉnh điều chỉnh sang chủ đầu tư khác là Công ty cổ phần kinh doanh nhà Đồng Nai (Công văn số 5001/UBND-ĐT ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai).

- Hiện tại, Tổng công ty đang xúc tiến việc điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch và dân cư Bửu Long tại thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, làm cơ sở cho việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi triển khai dự án.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để rà soát và lập phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó thống kê và phân loại số lượng hộ dân tái định cư.

- Hoàn tất các thủ tục có liên quan về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu du lịch Bửu Long hiện hữu diện tích khoảng 45,228ha.

- Việc triển khai các dự án thuộc Khu du lịch và dân cư Bửu Long sẽ được tiến hành sau khi quy hoạch điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, Tổng công ty hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình UBND tỉnh và các cơ quan chức năng xem xét trong tháng 9/2016.

c) Dự án đầu tư dây chuyền sợi thuốc lá và máy ván điều, đóng bao

Với vai trò là ngành sản xuất kinh doanh nòng cốt tại Tổ hợp, công nghiệp thuốc lá luôn được quan tâm chú trọng. Với tình hình khốc liệt của thị trường thuốc lá như hiện nay, việc quan tâm đẩy mạnh đầu tư để tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng và có chất lượng cao thật sự rất cần thiết. Từ phân khúc bình dân (6.000 – <12.000đ/gói), mặt hàng thuốc lá sẽ tiếp tục hướng đến phân khúc thị trường trung và cao cấp (>12.000đ/gói) dựa trên cải tiến các nhãn hàng truyền thống sẵn có song song với việc nghiên cứu sản phẩm mới. Dự kiến trong giai đoạn 2017-2019, Công ty mẹ sẽ đầu tư dây chuyền sợi thuốc lá với kinh phí 180 tỷ đồng và tiếp tục đầu tư dàn máy ván điều, đóng bao 60 tỷ đồng.

4. Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tài chính

- Tích cực mở rộng hình thức kêu gọi đầu tư liên doanh góp vốn cổ phần với các đối tác trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án có khả năng sinh lợi thấp hoặc cần tiếp nhận công nghệ kỹ thuật cao như: các dự án phát triển du lịch và đầu tư vào công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp chất lượng cao...

- Trên cơ sở thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên để thực hiện quy trình tích tụ, tập trung vốn chủ sở hữu, nhằm đảm bảo nhu cầu tài chính cho một số dự án lớn của Tổng công ty.

b) Giải pháp về sản xuất

- Tích cực khai thác công suất của máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nhằm đảm bảo cho tính đồng nhất cũng như chất lượng sản phẩm.

c) Giải pháp về marketing

- Trong điều kiện tính cạnh tranh được nâng cao, việc tìm kiếm mở rộng thị trường và quảng bá sản phẩm là hết sức cần thiết. Sản phẩm thuốc lá điếu của Công ty mẹ hiện tại đã từng bước đều đặn có đơn đặt hàng xuất sang thị trường nước ngoài khi thị phần nội địa suy giảm rõ rệt.

- Công tác nghiên cứu thị trường cần thiết được đẩy mạnh hơn nữa để nắm rõ nhu cầu cũng như phân khúc thị trường, từ đó chú trọng đầu tư phát triển sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

d) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực

Không ngừng hoàn thiện hệ thống phân phối tiền lương, thu nhập, bảo đảm đúng với năng lực, trình độ và hiệu suất công tác của từng người; mạnh dạn có chế độ đãi ngộ tương xứng thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao; đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động; có chính sách ưu tiên tuyển chọn các đối tượng có đủ tiêu chuẩn là con, em cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc ở Tổng công ty. Xây dựng chính sách khen thưởng để khuyến khích người lao động tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có biện pháp kiên quyết đối với những cán bộ công nhân viên thiếu ý thức học tập vươn lên để đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Về quy hoạch cán bộ

Phải xây dựng quy hoạch tổng thể về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chung. Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức để tạo nguồn cán bộ kế thừa cho Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Công tác cán bộ phải được thực hiện chu đáo, đánh giá đúng và thật sự trọng dụng nhân tài, cán bộ trẻ.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch, chương trình, kinh phí đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng... Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo bảo đảm mặt bằng chung về chuẩn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực hành nghề, phẩm chất tư cách, đạo đức nghề nghiệp. Hàng năm, các cấp Ủy thực hiện đánh giá, nhận xét cán bộ đương nhiệm, dự bị để có kế hoạch tiếp tục đào tạo. Thực hiện nghiêm túc công tác đào tạo lại cán bộ chủ chốt đúng với chức năng nhiệm vụ được phân công.

e) Giải pháp về kỹ thuật - công nghệ

- Ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổ hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

- Triển khai đồng bộ phương tiện tin học hóa trong công tác kế toán, kế hoạch nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời thông tin cần thiết cho Lãnh đạo trong quản lý điều hành, tiến đến nối mạng chung từ các doanh nghiệp thành viên với Văn phòng Tổng công ty để có thông tin nhanh và xử lý kịp thời.

- Thường xuyên cập nhật và cải tiến nội dung website, từng bước nâng cao hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty và sản phẩm, nhãn hiệu của các đơn vị trong Tổ hợp.

- Khuyến khích cán bộ, công nhân viên trong toàn bộ hợp Tổng công ty nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cải tiến quy trình, công nghệ sản xuất một cách hiệu quả nhất; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao nhằm mục tiêu hiện đại hóa các dự án. Sử dụng chính sách khen thưởng phù hợp trong lĩnh vực này.

g) Giải pháp về quản lý và điều hành

- Tuỳ theo tình hình thực tế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn tổ hợp Tổng công ty mà bổ sung thêm các phòng ban chức năng cho phù hợp, nhằm phục vụ tốt nhất cho việc tham mưu công tác lãnh đạo, điều hành Tổng công ty.

- Xây dựng một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhưng năng động và hiệu quả.

- Nâng cao hiệu lực của việc sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý hành chính, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, phê duyệt tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên. Từng bước kiện toàn và ban hành các văn bản quy định về tổ chức hoạt động, quy chế quản lý đối với các đơn vị thành viên để đảm bảo các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng công ty giao thật chặt chẽ và hiệu quả, để đưa công tác quản lý của Tổng công ty ngày càng đi vào nề nếp.

- Tăng cường quản lý các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở xây dựng quy chế hoạt động và xây dựng đội ngũ những người là đại diện vốn nhà nước đủ năng lực và số lượng để thực hiện việc quản lý hoạt động này. Có hình thức quản lý phù hợp với phần vốn góp của Nhà nước tại từng đơn vị.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
PHỤ LỤC 2.2: BIỂU KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016-2020
TỔ HỢP TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm				Tăng trưởng bình quân (%)
				2017	2018	2019	2020	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ								
A Sản xuất công nghiệp	Tr.đ							
1 Mặt hàng chủ yếu								
Thuốc lá điếu	Triệu bao	420	356	410	420	460	500	8.1%
Thịt heo, gà, t.phẩm chế biến	Tấn	458	524	543	570	599	629	4.0%
Mù cao su RSS	Tấn	1,300	1,270	1,290	1,300	1,310	1,320	0.8%
Đá xây dựng các loại	1000m3	6,693	6,031	5,712	5,826	5,943	6,062	0.1%
Bao bì giấy các loại	Tấn	69,878	75,000	79,000	83,000	91,300	100,000	6.7%
Gỗ dán các loại	m3	3,358	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000	0.0%
Quần áo gia công XK	1000sp	421	270	290	300	310	310	3.0%
Sữa tươi các loại	Tấn	9,913	10,100	11,265	16,100	20,460	22,800	25.1%
2 Doanh thu công nghiệp	Tr.đ	5,244,922	4,593,398	3,797,000	1,573,000	1,698,840	1,817,759	-12.1%
B Sản xuất nông nghiệp								
1 Mặt hàng chủ yếu								
Heo giống	Tấn	1,908	2,070	2,150	2,335	0	0	-20.0%
Heo thịt	Tấn	4,093	4,250	4,310	4,720	0	0	-20.0%
2 Doanh thu nông nghiệp	Tr.đ	454,704	449,597	56,950	49,400	0	0	-20.0%
C KD thương mại - dịch vụ								
1 Mặt hàng chủ yếu								
Thương mại								
Bắp hạt	Tấn	2,597	4,000	4,500	5,000	5,500	6,000	10.0%
Mì lát	Tấn	5,370	5,300	6,000	6,500	7,000	8,000	10.2%
Xăng dầu các loại	1000 lít	62,312	57,408	60,371	63,363	66,526	69,850	4.3%
Xe gắn máy	Chiếc	4,806	5,660	4,928	5,096	5,270	5,450	-0.7%
Phân bón hoá học các loại	Tấn	32,575	32,000	35,844	36,500	37,600	39,500	4.7%
Dịch vụ								
Dịch vụ Du lịch	Tr.đ	132,963	139,799	143,750	155,250	162,650	172,250	4.6%
Cho thuê kho, mặt bằng	Tr.đ	14,916	12,400	13,400	13,450	13,500	13,500	1.8%
2 Doanh thu TM - DV và DT khác	Tr.đ	2,323,498	1,804,251	1,611,114	1,788,242	1,772,386	1,741,901	-0.7%
II TỔNG DOANH THU	Tr.đ	8,023,124	6,847,246	5,465,064	3,410,642	3,471,226	3,559,660	-9.6%
Trong đó:								
- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	8,023,124	6,686,775	5,326,514	3,217,788	3,340,380	3,496,274	-9.5%
- Doanh thu từ thoái vốn	Tr.đ	793,000	160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	
III LỢI NHUẬN	Tr.đ							
A Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1,319,878	793,721	481,564	425,181	371,966	297,981	-12.5%
Trong đó:								
- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	526,878	633,250	343,013	232,327	241,121	234,595	-12.6%
- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ	793,000	160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	
B Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1,393,240	675,941	399,319	370,610	329,651	267,060	-12.1%
Trong đó:								



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm				Tăng trưởng bình quân (%)
					2017	2018	2019	2020	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	600,240	515,470	260,769	177,756	198,806	203,674	-12.1%
	- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ	793,000	160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	
*	Lợi nhuận sau thuế ứng vốn Nhà nước	Tr.đ	960,930	572,638	339,538	366,477	327,711	272,082	
VI	VỐN NHÀ NƯỚC BÌNH QUÂN TẠI DOANH NGHIỆP	Tr.đ	2,992,161	3,414,549	3,126,574	3,189,868	3,251,338	3,410,131	0.0%
V	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VNN	%	32.11%	16.77%	10.86%	11.49%	10.08%	7.98%	
VI	CÁC KHOẢN PHÁT SINH NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	2,020,323	1,606,948	1,741,515	1,635,126	1,758,492	1,816,353	2.6%
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	"	276,630	267,118	292,115	268,556	287,938	307,448	3.0%
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	"	54,178	38,839	46,437	5,100	5,250	5,500	-17.2%
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	"	942,526	873,002	960,305	1,056,430	1,222,425	1,307,987	10.0%
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	"	218,114	110,395	93,672	57,497	43,934	34,325	-13.8%
5	Tiền thuế đất	"	2,536	2,859	2,216	2,070	2,070	2,070	-5.5%
6	Tiền thuế đất	"	16,712	10,235	12,009	5,951	4,841	4,841	-10.5%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	"	23,803	24,429	13,338	4,894	4,864	4,879	-16.0%
8	Thuế môn bài	"	96	92	60	47	44	44	-10.4%
9	Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	"	485,726	279,978	321,364	234,581	187,126	149,259	-9.3%
VII	THỰC NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	2,041,924	1,717,470	1,502,495	1,213,137	1,346,904	1,316,005	-4.7%
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	"	272,532	243,532	262,752	256,206	274,381	292,938	4.1%
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	"	53,532	39,047	38,386	4,845	4,988	5,225	-17.3%
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	"	1,111,570	565,468	912,290	1,003,514	1,161,208	1,242,493	23.9%
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	"	212,730	101,357	78,316	54,766	42,035	32,927	-13.5%
5	Tiền thuế đất	"	2,538	2,697	2,211	2,064	2,064	2,064	-4.7%
6	Tiền thuế đất	"	13,461	12,883	11,474	5,891	4,781	4,781	-12.6%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	"	29,953	22,804	13,482	4,565	4,535	4,550	-16.0%
8	Thuế môn bài	"	88	92	60	48	46	46	-10.0%
9	Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	"	332,293	500,944	309,705	222,852	177,769	141,796	-14.3%
VIII	ĐẦU TƯ XDCB	"	378,373	514,001	529,275	529,264	491,750	554,500	1.6%
IX	KIM NGẠCH XNK	1000 USD	66,070	52,186	53,362	57,390	60,560	64,840	4.8%
A	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	1000 USD	17,569	15,481	16,880	17,440	18,580	19,660	5.4%
B	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	1000 USD	48,501	36,706	36,482	39,950	41,980	45,180	4.6%





TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC 2.2: BIỂU KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016-2020
CÔNG TY MẸ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm				Tăng trưởng bình quân (%)
					2017	2018	2019	2020	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ								
A	Sản xuất công nghiệp								
1	<i>Mặt hàng chủ yếu</i>								
	Thuốc lá điều	Triệu bao	420	356	410	420	460	500	8.1%
	Thịt heo, gà, t.phẩm chế biến	Tấn	458	524	543	570	599	629	0.0%
2	<i>Doanh thu công nghiệp</i>	Tr.đ	1,753,865	1,346,718	1,517,267	1,550,564	1,555,983	1,602,218	3.8%
B	Sản xuất nông nghiệp								
1	<i>Mặt hàng chủ yếu</i>								
2	<i>Doanh thu nông nghiệp</i>	Tr.đ							
C	KD thương mại - dịch vụ								
1	<i>Mặt hàng chủ yếu</i>								
	<i>Thương mại</i>								
	Xăng dầu các loại	1000 lít	1,917	2,545	2,640	2,745	2,882	3,027	3.8%
	Xe gắn máy	Chiếc	827	1,360	1,428	1,496	1,570	1,650	4.3%
	<i>Dịch vụ</i>								
2	<i>Doanh thu TM - DV và DT khác</i>	Tr.đ	416,485	629,638	333,070	457,036	493,398	484,670	-4.6%
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đ	2,681,445	1,976,356	1,850,337	2,007,600	2,049,381	2,086,888	1.1%
	Trong đó:								
	- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	2,681,445	1,815,885	1,711,786	1,814,746	1,918,535	2,023,502	2.3%
	- Doanh thu từ thoái vốn	Tr.đ		160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	-12.1%
III	LỢI NHUẬN	Tr.đ							
A	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	693,236	357,951	370,437	384,566	305,337	241,205	-6.5%
	Trong đó:								
	- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	693,236	197,480	231,886	191,712	174,491	177,819	-2.0%
	- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ		160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	-12.1%
B	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	658,007	320,761	333,146	335,173	267,379	213,284	-6.7%
	Trong đó:								
	- Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	Tr.đ	658,007	160,290	194,596	142,319	136,534	149,898	-1.3%
	- Lợi nhuận từ thoái vốn	Tr.đ		160,471	138,551	192,854	130,846	63,386	-12.1%
*	Lợi nhuận sau thuế ứng vốn Nhà nước	Tr.đ	658,007	320,761	333,146	335,173	267,379	213,284	-6.7%
VI	VỐN NHÀ NƯỚC BÌNH QUÂN TẠI DOANH NGHIỆP	Tr.đ	2,515,839	2,926,734	3,045,462	3,143,449	3,238,592	3,298,756	2.5%
IV	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VNN	%	26.15%	10.96%	10.94%	10.66%	8.26%	6.47%	
V	CÁC KHOẢN PHÁT SINH NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,588,993	1,324,032	1,473,800	1,607,474	1,733,714	1,790,679	7.0%
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	"	192,255	208,259	229,084	251,993	272,152	291,203	8.0%
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	"	21,320	6,639	5,037	5,100	5,250	5,500	-3.4%
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	"	942,523	873,000	960,300	1,056,330	1,222,325	1,307,887	10.0%
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	"	35,228	37,190	37,290	50,571	37,957	27,921	-5.0%
5	Tiền thuế đất	"	118	118	111	111	111	111	-1.2%
6	Tiền thuế đất	"	5,206	1,806	4,232	4,205	4,205	4,205	26.6%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	"	4,426	10,553	4,579	4,579	4,584	4,589	-11.3%



STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm				Tăng trưởng bình quần (%)
					2017	2018	2019	2020	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Thuế môn bài	"	5	5	4	4	4	4	-4.0%
9	Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	"	387,910	186,461	233,163	234,581	187,126	149,259	-4.0%
VI	THỰC NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1,584,313	1,212,975	1,400,110	1,527,100	1,647,028	1,701,145	8.0%
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	"	188,115	179,925	217,630	239,393	258,545	276,643	10.8%
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	"	20,658	6,647	4,786	4,845	4,988	5,225	-4.3%
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	"	1,111,567	565,463	912,285	1,003,514	1,161,208	1,242,493	23.9%
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	"	19,503	39,000	35,426	48,042	36,059	26,525	-6.4%
5	Tiền thuế đất	"	118	99	105	105	105	105	1.2%
6	Tiền thuế đất	"	5,188	4,298	4,020	3,995	3,995	3,995	-1.4%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	"	4,197	10,895	4,350	4,350	4,355	4,360	-12.0%
8	Thuế môn bài	"	5	5	4	4	4	4	-4.8%
9	Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	"	234,961	406,641	221,504	222,852	177,769	141,796	-13.0%
VII	ĐẦU TƯ XDCB	"	20,716	350,610	309,200	210,200	270,200	213,200	-7.8%
VIII	KIM NGẠCH XNK	1000 USD	20,716	16,076	16,000	17,000	17,300	19,000	3.6%
A	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	1000 USD	7,773	6,851	6,800	7,000	7,100	7,500	1.9%
B	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	1000 USD	12,943	9,226	9,200	10,000	10,200	11,500	4.9%



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017



	CHỈ TIÊU	DOANH THU	VỐN NN BQ NĂM 2017	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	% Vốn NN	LNST/ỨNG VỐN NN	TỶ SUẤT LNST/VNN	PSNNS	ĐẦU TƯ XDCB
	TỔNG SỐ:	5.465.064	3.126.574	481.564	400.519		339.538	10,86%	1.741.515	529.275
I	Công ty Mẹ :	1.850.337	3.045.462	370.437	333.146		333.146	10,94%	1.473.800	309.200
1	Tổng Cty CNTP Đồng Nai	1.752.537	2.966.747	378.537					1.471.498	309.200
	-Sản xuất kinh doanh (VP)	1.430.000		56.000						
	-Thu về từ thoái vốn	138.551		138.551						
	-Cổ tức thu về	183.986		183.986						
	Vốn Cty con		723.790							
	Vốn công ty LDLK		614.279							
2	Hội quán	13.000	31.500	(1.000)	(1.000)	100,00%	(1.000)		675	
3	Văn miếu			(11.500)	(11.500)	100,00%	(11.500)			
4	Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	84.800	102.829	4.400	4.400	100,00%	4.400	4,28%	1.627	
II	Các đơn vị liên kết:	70.341	614.279	70.341	70.341		70.341			40.000
1	Cty CP Bông đá Đồng Nai	-	5.000	-	-	25,00%	-	-	-	-
2	Cty TNHH TMDV Quốc Tế Big C ĐN	50.000	88.331	50.000	50.000	35,00%	50.000	56,61%	-	-
3	Liên doanh BOCHANG - golf	-	66.816	-	-	25,00%	-	-	-	-
4	Cty CP Chăn nuôi bò và CB sữa Đồng Nai	-	9.000	-	-	36,00%	-	-	-	-
5	Cty TNHH Nông nghiệp ĐN - VINECO	-	90.000	-	-	22,50%	-	-	-	-
6	Cty CP Chế biến XNK Nông sản thực phẩm ĐN	-	89.643	-	-	39,84%	-	-	-	-
7	Nhà máy chế biến thực phẩm ĐN	-	40.310	-	-	29,00%	-	-	-	-
8	Cty CP Lothamilk	5.390	26.148	5.390	5.390	16,43%	5.390	20,61%	-	-
9	Cty CP Nông Sản Đồng Nai	5.490	90.879	5.490	5.490	36,00%	5.490	6,04%	-	-
10	Cty CP TH Gỗ Tân Mai	1.296	17.636	1.296	1.296	36,00%	1.296	7,35%	-	-
11	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	5.760	52.301	5.760	5.760	36,00%	5.760	11,01%	-	40.000
12	Cty CP Vật tư Nông nghiệp ĐN	1.440	26.920	1.440	1.440	36,00%	1.440	5,35%	-	-
13	Cty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	965	11.295	965	965	36,00%	965	8,54%	-	-
III	Cty TNHH 1 TV (100% vốn NN)	1.027.387	332.518	24.072	20.458		20.458	6,15%	22.673	90.700
1	Cty CP Cao su Công nghiệp	56.950	121.000	6.500	5.200	100,00%	5.200	4,30%	4.700	16.700
2	Cty TNHH MTV ĐT PT Bửu Long	970.437	211.518	17.572	15.258	100,00%	15.258	7,21%	17.973	74.000
	-Bửu Long	76.000	141.917	6.000	6.000	100,00%	6.000	4,23%	2.100	59.000
	-Cty CP Du Lịch Đồng Nai	194.000	51.175	12.500	10.000	65,57%	6.557	12,81%	11.100	15.000
	-Cty CP VLXD & Chất đốt	700.437	18.426	6.620	5.296	51,00%	2.701	14,66%	4.773	-
IV	Cty CP có vốn NN chi phối	2.517.000	472.384	200.700	160.560		99.579	12,85%	245.042	89.375
1	Cty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD BH	867.000	339.410	100.000	80.000	70,39%	56.314	16,59%	176.438	9.375
2	Cty CP Bao Bì Biên Hoà (SOVI)	1.500.000	110.891	96.500	77.200	53,72%	41.472	37,40%	64.304	80.000
3	Cty CP SX TM- Dịch vụ Đồng Nai	150.000	22.083	4.200	3.360	53,36%	1.793	8,12%	4.300	-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

CHỈ TIÊU	DOANH THU	VỐN NN BQ NĂM 2018	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	% Vốn NN	LNST ỨNG VỐN NN	TỶ SUẤT LNST/VNN	PSNNS	ĐẦU TƯ XDCB
TỔNG SỐ:	3,410,642	3,189,868	425,181	370,610		366,477	11.49%	1,635,126	529,264
I Công ty Mẹ :	2,007,600	3,143,449	384,566	335,173		335,173	10.66%	1,607,474	210,200
1 Tổng Cty CNTP Đồng Nai	1,903,456	3,005,620	390,456	339,885		339,885	11.31%	1,604,810	210,200
-Sản xuất kinh doanh (VP)	1,573,000		60,000						
-Thu về từ thoái vốn	192,854		192,854						
-Cổ tức thu về	137,602		137,602						
Vốn Cty con		341,132							
Vốn công ty LDLK		817,476							
2 Hội quán	15,800	35,000	800	640	100.00%	640		910	
3 Văn miếu			(11,500)	(11,500)	100.00%	(11,500)			
4 Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	88,344	102,829	4,810	3,848	100.00%	3,848		1,754	
II Các đơn vị liên kết:	148,400	817,476	148,400	148,400		148,400			246,364
1 Cty TNHH TMDV Quốc Tế Big C ĐN	50,000	88,331	50,000	50,000	35.00%	50,000	-	-	-
2 Liên doanh BOCHANG - golf	-	66,816	-	-	25.00%	-	-	-	-
3 Cty CP Chăn nuôi bò và CB sữa Đồng Nai	-	9,000	-	-	36.00%	-	-	-	-
4 Cty TNHH Nông nghiệp ĐN - VINECO	-	90,000	-	-	22.50%	-	-	-	-
5 Cty CP Chế biến XNK Nông sản thực phẩm ĐN	-	89,643	-	-	39.84%	-	-	-	-
6 Nhà máy chế biến thực phẩm ĐN	-	40,310	-	-	29.00%	-	-	-	-
7 Cty CP Lothamilk	6,572	26,148	6,572	6,572	16.43%	6,572	25.13%	-	10,000
8 Cty CP Nông Súc Sản Đồng Nai	11,952	90,879	11,952	11,952	36.00%	11,952	13.15%	-	30,000
9 Cty CP TH Gỗ Tân Mai	2,880	17,636	2,880	2,880	36.00%	2,880	16.33%	-	
10 Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	10,044	52,301	10,044	10,044	36.00%	10,044	19.20%	-	60,000
11 Cty CP Vật tư nông nghiệp ĐN	1,979	26,920	1,979	1,979	36.00%	1,979	7.35%	-	
12 Cty CP Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1,037	11,295	1,037	1,037	36.00%	1,037	9.18%	-	
13 Cty CP Bao Bì Biên Hoà (SOVI)	33,120	46,197	33,120	33,120	36.00%	33,120	71.69%	-	120,000
14 Cty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD BH	30,816	162,000	30,816	30,816	36.00%	30,816	19.02%	-	26,364
III Cty TNHH 1 TV (100% vốn NN)	1,047,242	284,518	17,917	14,334		14,334		19,584	71,000
Cty TNHH MTV ĐT PT Bửu Long	1,047,242	284,518	17,917	14,334	100.00%	14,334	5.04%	19,584	71,000
-Bửu Long	80,000	214,917	6,000	4,800	100.00%	4,800	2.23%	2,451	37,000
-Cty CP Du Lịch Đồng Nai	195,000	51,175	13,000	10,400	65.57%	6,819	13.33%	12,400	34,000
-Cty CP VLXD & Chất đốt	772,242	18,426	6,653	5,322	51.00%	2,714	14.73%	4,733	-
IV Cty CP có vốn NN chi phối	207,400	103,032	11,900	10,305		6,172	5.99%	8,068	1,700
1 Cty CP Cao su Công nghiệp	49,400	80,728	7,500	6,325	64.00%	4,048	5.01%	3,568	1,700
2 Cty CP SX TM- Dịch vụ Đồng Nai	158,000	22,304	4,400	3,980	53.36%	2,124	9.52%	4,500	



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

	CHỈ TIÊU	DOANH THU	VỐN NN BQ NĂM 2018	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	% Vốn NN	LNST ỨNG VỐN NN	TỶ SUẤT LNST/VNN	PSNNS	ĐẦU TƯ XDCB
	TỔNG SỐ:	3,471,226	3,251,338	371,966	329,651		327,711	10.08%	1,758,492	491,750
I.	Công ty Mẹ :	2,049,381	3,238,592	305,337	267,379		267,379	8.26%	1,733,714	270,200
1	Tông Cty CNTP Đồng Nai	1,945,237	3,100,763	310,397	271,427		271,427	8.75%	1,730,780	270,200
	-Sản xuất kinh doanh (VP)	1,698,840		64,000						
	-Thu về từ thoái vốn	130,846		130,846						
	-Cổ tức thu về	115,551		115,551						
	Vốn Cty con		294,344							
	Vốn công ty LDLK		667,284							
2	Hội quán	15,800	35,000	1,200	960	100.00%	960		1,050	
3	Văn miếu			(11,500)	(11,500)	100.00%	(11,500)			
4	Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	88,344	102,829	5,240	4,192	100.00%	4,192		1,884	
II	Các đơn vị liên kết:	157,991	667,284	157,991	157,991		157,991			191,550
1	Cty TNHH TMDV Quốc Tế Big C ĐN	50,000	88,331	50,000	50,000	-	50,000	-	-	-
2	Liên doanh BOCHANG - golf	-	-	-	-	0.00%	-	-	-	-
3	Cty CP Chăn nuôi bò và CB sữa Đồng Nai	-	9,000	-	-	36.00%	-	-	-	-
4	Cty TNHH Nông nghiệp ĐN - VINECO	-	90,000	-	-	22.50%	-	-	-	-
5	Cty CP Chế biến XNK Nông sản thực phẩm ĐN	-	89,643	-	-	39.84%	-	-	-	-
6	Nhà máy chế biến thực phẩm ĐN	-	40,310	-	-	29.00%	-	-	-	-
7	Cty CP Lothamilk	7,229	26,148	7,229	7,229	16.43%	7,229	27.65%	-	-
8	Cty CP Nông Súc Sản Đồng Nai	12,420	-	12,420	12,420	0.00%	12,420	-	-	10,000
9	Cty CP TH Gỗ Tân Mai	3,168	-	3,168	3,168	0.00%	3,168	-	-	-
10	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	10,980	-	10,980	10,980	0.00%	10,980	-	-	47,950
11	Cty CP Vật tư nông nghiệp ĐN	2,379	26,920	2,379	2,379	36.00%	2,379	8.84%	-	-
12	Cty CP Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1,066	11,295	1,066	1,066	36.00%	1,066	9.44%	-	-
13	Cty CP Bao Bì Biên Hoà (SOVI)	37,440	46,197	37,440	37,440	36.00%	37,440	81.04%	-	100,000
14	Cty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD BH	30,816	162,000	30,816	30,816	36.00%	30,816	19.02%	-	32,000
15	Cty CP Cao su Công nghiệp	2,493	77,440	2,493	2,493	64.00%	2,493	5.01%	-	1,600
III	Cty TNHH 1 TV (100% vốn NN)	1,098,854	284,518	19,590	15,672		15,672		20,078	30,000
	Cty TNHH MTV ĐT PT Bửu Long	1,098,854	284,518	19,590	15,672	100.00%	15,672	5.51%	20,078	30,000
	-Bửu Long	85,000	214,917	7,000	5,600	100.00%	5,600	2.61%	2,726	20,000
	-Cty CP Du Lịch Đồng Nai	203,000	51,175	14,000	11,200	65.57%	7,344	14.35%	12,600	-
	-Cty CP VLXD & Chất đốt	810,854	18,426	6,686	5,349	51.00%	2,728	14.80%	4,752	10,000
IV	Cty CP có vốn NN chi phối	165,000	22,571	4,600	4,160		2,220	9.83%	4,700	-
1	Cty CP SX TM- Dịch vụ Đồng Nai	165,000	22,571	4,600	4,160	53.36%	2,220	9.52%	4,700	-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

	CHỈ TIÊU	DOANH THU	VỐN NN BQ NĂM 2018	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	% Vốn NN	LNST ỨNG VỐN NN	TỶ SUẤT LNST/VNN	PSNNS	ĐẦU TƯ XDCB
	TỔNG SỐ:	3,559,660	3,410,131	297,981	267,060		272,082	7.98%	1,816,353	554,500
I	Công ty Mẹ :	2,086,888	3,298,756	241,205	213,284		213,284	6.47%	1,790,679	213,200
1	Tổng Cty CNTP Đồng Nai	1,982,744	3,160,927	244,985	216,308		216,308	6.84%	1,787,405	210,200
	-Sản xuất kinh doanh (VP)	1,817,759		80,000						
	-Thu về từ thoái vốn	63,386		63,386						
	-Cổ tức thu về	101,599		101,599						
	Vốn Cty con		196,064							
	Vốn công ty LDLK		672,232							
2	Hội quán	15,800	35,000	2,000	1,600	100.00%	1,600		1,240	3,000
3	Văn miếu			(11,500)	(11,500)	100.00%	(11,500)			
4	Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	88,344	102,829	5,720	4,576	100.00%	4,576		2,034	
II	Các đơn vị liên kết:	143,375	672,232	143,375	143,375		143,375			341,300
1	Cty TNHH TMDV Quốc Tế Big C ĐN	50,000	88,331	50,000	50,000	35.00%	50,000			
2	Cty CP Chăn nuôi bò và CB sữa Đồng Nai		9,000	-		36.00%	-			
3	Cty TNHH Nông nghiệp ĐN - VINECO		90,000	-		22.50%	-			
4	Cty CP Chế biến XNK Nông sản thực phẩm ĐN		89,643	-		39.84%	-			
5	Nhà máy chế biến thực phẩm ĐN		40,310	-		29.00%	-			
6	Cty CP Lothamilk	8,149	26,148	8,149	8,149	16.43%	8,149	31.17%		40,000
7	Cty CP Vật tư nông nghiệp ĐN	2,938	37,676	2,938	2,938	36.00%	2,938	7.80%		
8	Cty CP Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1,094	14,724	1,094	1,094	36.00%	1,094	7.43%		
9	Cty CP Bao Bì Biên Hoà (SOVI)	43,200	46,197	43,200	43,200	36.00%	43,200	93.51%		280,000
10	Cty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD BH	35,281	186,644	35,281	35,281	36.00%	35,281	18.90%		20,000
11	Cty CP Cao su Công nghiệp	2,712	43,560	2,712	2,712	36.00%	2,712	5.01%		1,300
III	Cty CP có vốn NN chi phối	1,329,397	307,439	23,183	19,046		17,022	5.54%	25,674	-
1	Cty CP SX TM- Dịch vụ Đồng Nai	173,000	22,838	4,800	4,340	53.36%	2,316	10.14%	4,900	-
2	Cty TNHH MTV ĐT PT Bửu Long	1,156,397	284,601	18,383	14,706	64.00%	14,706	5.17%	20,774	-
	-Bửu Long	90,000	214,917	8,000	6,400	64.00%	4,096	1.91%	3,001	
	-Cty CP Du Lịch Đồng Nai	215,000	51,034	15,000	12,000	65.57%	7,868	15.42%	13,000	-
	-Cty CP VLXD & Chất đốt	851,397	18,651	6,720	5,376	51.00%	2,742	14.70%	4,773	-